

KẾ HOẠCH

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020 định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Công văn số 284/UBND-CSĐT ngày 30/3/2017 của Ủy ban Dân tộc về triển khai Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xây dựng Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu đã đề ra; từng bước thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, nâng cao dân trí góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Các Sở, Ban, Ngành phối hợp lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế xã hội khác thuộc trách nhiệm quản lý của các ngành để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thời gian, đối tượng thực hiện

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.
- Đối tượng: Người dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên các dân tộc: Gia Rai, XTiêng, Khơ Mú, Khmer, Ba Na, Gaglai, Thái (sau đây gọi tắt là nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp) và các dân tộc khác theo Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ.



2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Nâng cao thể lực

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số:

Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến 2020 còn 6‰, năm 2030 là 3,5‰; phấn đấu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 75 tuổi, năm 2030 khoảng 78 tuổi, cao hơn tuổi thọ bình quân quốc gia 3 tuổi;

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số:

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 còn 17% và năm 2030 xuống 12,5%.

(Đính kèm Phụ lục 1)

b. Phát triển trí lực

- Đến năm 2020, có 32% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 90% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 100%; trung học cơ sở 92% và 76% học sinh trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

- Phấn đấu đến năm 2030, có 42% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 95% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 100%; trung học cơ sở 100% và 96% học sinh trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

(Đính kèm Phụ lục 2)

c. Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số;

- Đến năm 2020, phấn đấu có 60%, năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

(Đính kèm Phụ lục 3)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông vùng đông dân tộc; các trường có nhiều học sinh dân tộc thiểu số theo học; phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số;

b) Người dân tộc thiểu số trong nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp học cao học, nghiên cứu sinh được miễn học phí, giáo trình, tài liệu học tập và hỗ trợ tiền ăn, ở hàng tháng (trong thời gian học thực tế) bằng mức lương cơ sở.

2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

a) Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế;

b) Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người dân tộc thiểu số trong giai đoạn mang thai;

c) Đối với trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống: Phát hiện sớm và phòng ngừa dị tật bẩm sinh trong thời kỳ mang thai và ngay sau sinh; từ sau sinh đến 2 tuổi được ưu tiên hỗ trợ để bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ sung hợp lý từ sau 6 tháng và bú mẹ kéo dài đến 2 tuổi; xây dựng chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí” cho trẻ em từ 2 đến 3 tuổi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của ngân sách.

3. Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm

a) Rà soát Danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số và đặc điểm của Tỉnh;

b) Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, phê duyệt bố trí chức danh kiêm nhiệm (như: công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã phụ trách lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc người hoạt động không chuyên trách phụ trách công tác giảm nghèo - việc làm tại xã, phường, thị trấn) theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân tộc thiểu số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, Ngành

a) Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban Ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, Ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch ở các địa phương; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ theo quy định.

- Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương xây dựng kế hoạch đảm bảo vốn hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện Kế hoạch.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Lồng ghép các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.

- Bố trí kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước;

- Hướng dẫn công tác lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách tại Kế hoạch này theo đúng quy định.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã, phường, thị trấn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở, Ngành liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Mục 1, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

d) Sở Y tế

- Nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các Mục tiêu của Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở, Ngành liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe được quy định tại Mục 2, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt được các Mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chính sách nội trú đối với học

sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các Mục tiêu của Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở, Ngành liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm được quy định tại Mục 3, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

e) Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan cung cấp thông tin cho báo chí Trung ương và địa phương; chỉ đạo các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và hệ thống Đài truyền thanh trên địa bàn tỉnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Phát hiện, biểu dương, nhân rộng tấm gương cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến thuộc cộng đồng dân tộc thiểu số trong phấn đấu lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

g) Bộ Chỉ huy Quân sự

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện phong trào chung tay vì sức khỏe cộng đồng, kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số; nghiên cứu xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan phát triển nguồn nhân lực quản lý thương mại trong đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích thương nhân, doanh nghiệp mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động tại những nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

i) Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu và tham mưu triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể chính trị - xã hội tham gia triển khai và phối hợp giám sát các nhiệm vụ, hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được Mục tiêu của Kế hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị, Thành phố Thủ Dầu Một

- Xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm để thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ Mục tiêu, các nội dung Kế hoạch, và tình hình thực tế để phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung chính sách phù hợp;

- Chỉ đạo lồng ghép, huy động các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực và các chính sách hiện hành, trong đó tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của địa phương; hàng năm tổ chức kiểm tra, sơ kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp).

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, Thành phố Thủ Dầu Một căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cho phù hợp; vào tháng 11 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp).

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc.

Trên đây là Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Các đơn vị có tên tại phần IV; 5.7
- LĐVP, P DT, TH, QT; Web;
- Lưu VT, Phg. 31

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Hưng



PHỤ LỤC 1

Chỉ tiêu nâng cao thể lực người dân tộc thiểu số
giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030

Kèm theo Kế hoạch số 496/L KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND Tỉnh

TT	Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	Chỉ tiêu của Trung ương (được phê duyệt tại Nghị quyết số 52/NQ-CP)		Chỉ tiêu của Tỉnh				
		Đến năm 2020	Đến năm 2030	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2030
I	Nâng cao thể lực							
1	Tăng cường sức khỏe người DTTS							
1.1	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người DTTS	25‰	14‰	7.5‰	7.0‰	6.5‰	6‰	3.5‰
1.2	Tuổi thọ bình quân người DTTS	73 tuổi	75 tuổi	73.8	74.2	74.6	75 tuổi	78 tuổi
2	Thể trạng, tâm vóc người DTTS							
2.1	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em người DTTS dưới 5 tuổi	29%	19%	20%	18,70%	17,40%	17%	12,50%



PHỤ LỤC 2

Chi tiêu phát triển trí lực người dân tộc thiểu số
giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 4961/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND Tỉnh)

STT	CHỈ TIÊU ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ	Chỉ tiêu của Trung ương (được phê duyệt tại Nghị quyết số 52/NQ - CP)		Chỉ tiêu của Tỉnh				
		Đến năm 2020	Đến năm 2030	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2030
I.	Phát triển trí lực							
1	Tỷ lệ trẻ em người DTTS trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở mầm non	Ít nhất là 25%		29%	30%	31%	32%	42%
2	Tỷ lệ trẻ em người DTTS trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở mầm non	75%		81%	84%	87%	90%	95%
3	Tỷ lệ học sinh người DTTS đi học đúng tuổi bậc tiểu học	97%		100%	100%	100%	100%	100%

4	Tỷ lệ học sinh người DTTS đi học đúng tuổi bậc trung học cơ sở	93%		83%	86%	89%	92%	100%
5	Tỷ lệ học sinh người DTTS đi học đúng tuổi bậc trung học phổ thông và tương đương.	50%		70%	72%	74%	76%	96%
6	Số học sinh người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng)	Từ 130-150/vạn dân(người DTTS)		115	130	145	160	310
7	Nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực rất thấp	Tối thiểu 130 sinh viên/vạn dân	200-250 sinh viên/vạn dân	100	115	130	145	195
8	Đào tạo sau đại học cho người DTTS	0,4%/tổng số người lao động qua đào tạo	0,7%/tổng số người lao động qua đào tạo	0,25%	0,30%	0,35%	0,4%	0,9%
9	Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp	30%	50%	15%	20%	25%	30%	60%



PHỤ LỤC 3

Chỉ tiêu nâng cao kỹ năng lao động và thông tin thị trường cho người DTTS
giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Kế hoạch số H96/L/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND Tỉnh)

TT	Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	Chỉ tiêu của Trung ương (được phê duyệt tại Nghị quyết số 52/NQ-CP)		Chỉ tiêu của Tỉnh				
		Đến năm 2020	Đến năm 2030	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2030
1	Nâng cao kỹ năng lao động và thông tin thị trường							
1.1	Tỷ lệ lao động người DTTS trong độ tuổi từ 18-35 được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm	50%	70%	54%	56%	58%	60%	70%